

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**

Số: **272**/Cty

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 đối với BCTC bán niên đã được soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng **8** năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**  
 Mã cổ phiếu: **QNW**  
 Địa chỉ: **17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi**  
 Mã số thuế: **4300326264**  
 Người đại diện: **ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỜ** Chức vụ: **Giám Đốc**

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35.699.777.131	34.192.476.883	1.507.300.248		35.910.961.676	34.192.476.883	1.718.484.793	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <i>(10=01- 02)</i>	<b>10</b>	<b>35.699.777.131</b>	<b>34.192.476.883</b>	<b>1.507.300.248</b>	<b>4%</b>	<b>35.910.961.676</b>	<b>34.192.476.883</b>	<b>1.718.484.793</b>	<b>5%</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	25.788.309.639	20.564.537.216	5.223.772.423	25%	25.923.958.914	20.446.898.710	5.477.060.204	27%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b> <i>(20=10-11)</i>	<b>20</b>	<b>9.911.467.492</b>	<b>13.627.939.667</b>	<b>(3.716.472.175)</b>	<b>-27%</b>	<b>9.987.002.762</b>	<b>13.745.578.173</b>	<b>(3.758.575.411)</b>	<b>-27%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.396.772.986	1.124.141.192	1.272.631.794	113%	2.598.821.161	1.217.320.713	1.381.500.448	113%
7. Chi phí tài chính	22	533.758.541	1.263.088.218	(729.329.677)	-58%	303.160.223	365.824.018	(62.663.795)	-17%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	303.160.223	365.824.018	(62.663.795)		303.160.223	365.824.018	(62.663.795)	
8. Chi phí bán hàng	25	1.599.220.761	1.926.320.024	(327.099.263)	-17%	1.599.220.761	1.926.320.024	(327.099.263)	-17%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.575.981.168	2.505.047.370	1.070.933.798	43%	3.851.424.246	2.864.776.987	986.647.259	34%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <i>(30=20+(21-22)-(25+26)</i>	<b>30</b>	<b>6.599.280.008</b>	<b>9.057.625.247</b>	<b>(2.458.345.239)</b>	<b>-27%</b>	<b>6.832.018.693</b>	<b>9.805.977.857</b>	<b>(2.973.959.164)</b>	<b>-30%</b>
11. Thu nhập khác	31			0				0	
12. Chi phí khác	32	6.148.227	151.822.201	(145.673.974)		40.058.847	151.822.201	(111.763.354)	
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>(6.148.227)</b>	<b>(151.822.201)</b>	<b>145.673.974</b>		<b>(40.058.847)</b>	<b>(151.822.201)</b>	<b>111.763.354</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>6.593.131.781</b>	<b>8.905.803.046</b>	<b>(2.312.671.265)</b>	<b>-26%</b>	<b>6.791.959.846</b>	<b>9.654.155.656</b>	<b>(2.862.195.810)</b>	<b>-30%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.392.044.756	1.969.144.760	(577.100.004)	-29%	1.431.810.369	1.986.112.386	(554.302.017)	-28%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0		0	0	0	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <i>(60=50-51-52)</i>	<b>60</b>	<b>5.201.087.025</b>	<b>6.936.658.286</b>	<b>(1.735.571.261)</b>	<b>-25%</b>	<b>5.360.149.477</b>	<b>7.668.043.270</b>	<b>(2.307.893.793)</b>	<b>-30%</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						5.296.524.496	7.640.895.068		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						63.624.981	27.148.202		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu									
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

**BCTC CÔNG TY MẸ**

- Lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm với lý do : Doanh thu bán hàng chỉ tăng 4%.
- Trong khi : + giá vốn hàng bán tăng 25%, cụ thể là chi phí khấu hao TSCĐ, trích lập tiền lương theo doanh thu tăng , trích dự phòng hàng tồn kho và chi phí bảo hộ lao động 6 tháng đầu năm 2023.



+ Doanh thu hoạt động tài chính tăng cao 113% nhưng chi phí tài chính giảm .

+ Chi phí bán hàng giảm 17% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 43%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng, thù lao HĐQT-BKS và chi phí bảo hộ lao động 6 tháng đầu năm 2023.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm 25% so với LNST trong 6 tháng đầu năm 2022.

#### BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm với lý do : Doanh thu bán hàng chỉ tăng 5%.

- Trong khi : + giá vốn hàng bán tăng 24%, cụ thể là chi phí khấu hao TSCĐ, trích lập tiền lương theo doanh thu tăng , trích dự phòng hàng tồn kho và chi phí bảo hộ lao động 6 tháng đầu năm 2023.

+ Doanh thu hoạt động tài chính tăng cao 113% nhưng chi phí tài chính giảm .

+ Chi phí bán hàng giảm 17% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 34%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng, thù lao HĐQT-BKS và chi phí bảo hộ lao động 6 tháng đầu năm 2023.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm 30% so với LNST trong 6 tháng đầu năm 2022.

Trần Trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu P.Kế toán, P.HC

